TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 348/2023/HC-PT
Ngày: 23-5-2023
V/v Khiếu kiện hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 107/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 02 năm 2023, về *"Khiếu kiện hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 162/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1057/2023/QĐPT-HC ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Mai Văn L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Mai Thanh T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2022) (Có mặt).

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trừ Vĩnh T1 - Phó Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T (Văn bản ủy quyền số 487/UBND-NC ngày 08/5/2023) (Có mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của UBND thị trấn T: Ông Nguyễn Lê Bảo C - Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện T, là người đại diện theo pháp luật của UBND thị trấn T. (Xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn U - Chủ tịch. (Xin xét xử vắng mặt)

**** Người làm chứng:***

1. Ông Ngô Hoàng H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

3. Ông Phùng Văn C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt).

4. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962; Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

**** Người kháng cáo:*** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện - Ông Mai Văn L do ông Mai Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc thửa 473 diện tích khoảng 2,5ha là của cha mẹ ông Mai Văn L. Sau khi chia cho các con thì cha mẹ ông L còn canh tác diện tích 1,5ha. Năm 1982, phần đất gia đình ông L canh tác được UBND tỉnh mượn đất khoảng 5.000m^2 giao cho Đoàn kinh tế Đồng Tháp 3 và cấp cho 03 cán bộ chiến sĩ của Đoàn. Tuy nhiên, gia đình ông L vẫn canh tác phần đất khoảng 3.000m^2, chứ không mượn hết đất của gia đình ông L. Năm 1989, nhà nước quy hoạch làm sân bóng và năm 2012 thì có quyết định hủy bỏ quy hoạch sân bóng. Do đó, gia đình ông L vẫn quản lý và sử dụng ổn định phần đất trên từ năm 1982 cho đến nay.

Năm 2021, ông Mai Văn L ủy quyền cho ông Mai Thanh T thực hiện việc đăng ký kê khai để xin được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên tại UBND huyện T theo phiếu nhận và chuyển đơn ngày 07/10/2021. Tuy nhiên, đến nay UBND huyện T không xem xét giải quyết và thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L. Do đó, ông Mai Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hành vi hành chính không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, buộc UBND huyện T có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy cho ông L đối với 01 phần thửa 473, diện tích khoảng 3.000m^2 (60m x 50m) vì đây là phần đất riêng của gia đình ông,

chứ không phải là phần đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp cho ba cán bộ chiến sĩ của Đoàn kinh tế, ông không đòi lại phần đất này.

** Tại Văn bản số 3075/UBND-NC ngày 14/6/2022, người bị kiện - UBND huyện T trình bày:*

Nguồn gốc thửa ông L xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của cha mẹ ông L (ông Mai Văn Đ1 và bà Trần Thị T3). Ông Đ1 cho các con là ông Mai Văn L và ông Mai Văn B mỗi người khoảng 5.000m^2, phần còn lại ông Đ1 vẫn quản lý, canh tác. Năm 1982, phần đất của ông Đ1 (khoảng 5.000m^2) được UBND tỉnh Long An giao cho Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp 2, cùng với diện tích của nhiều hộ khác kéo dài từ cầu Sân bay đến chùa An Phước.

Ngày 08/12/1988, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 1589/QĐ.UB.88 về việc quy hoạch đất cho cán bộ chiến sĩ, trong đó có ông Nguyễn Văn T2, Phạm Văn Cu và Nguyễn Hữu Đ. Năm 1989, UBND huyện quy hoạch xây dựng sân bóng huyện T nên ông C2 và ông T2 được hoán đổi đất khác riêng ông Đ vẫn ở trên phần đất sân bóng cũ cho đến nay.

Năm 1989, ông Đ1 chết, nên các con làm đơn xin lại phần đất nêu trên. Ngày 02/4/2003, UBND thị trấn T trả lời tại Công văn số 04/CV-UB với nội dung: Không giải quyết theo đơn đòi lại đất của ông Mai Văn L. Ngày 11/7/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1781/QĐ-UBND, nội dung bác đơn khiếu nại của gia đình ông L. Ngày 07/11/2008, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 2805/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn L, nội dung giữ nguyên Quyết định số 1781/QĐ-UBND của UBND huyện T.

Căn cứ khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai: "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Theo hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết và đối chiếu quy định nêu trên, việc ông Mai Văn L yêu cầu UBND huyện T thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với 01 phần thửa 473 (diện tích khoảng 3.000m^2), tờ bản đồ số 2, tọa lạc khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thị trấn T, do ông Nguyễn Lê Bảo C đại diện theo pháp luật trình bày:*

Phần đất của ông Mai Văn L khởi kiện yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 01 phần thửa 473, là đất công, được UBND huyện T giao cho UBND thị trấn T quản lý. Năm 1991, đã quy hoạch làm sân bóng, nhưng năm 2012 đã không còn quy hoạch nữa. Đến thời điểm hiện nay, thì UBND huyện T chưa quy hoạch, sử dụng, đối phần đất trên. Do đó, việc ông Mai Văn L lấn chiếm đất công, là không đủ điều kiện được cấp giấy. Riêng đơn của ông L ủy quyền cho ông Mai Thanh T được UBND huyện T chuyển về UBND thị trấn T, thì hiện

nay chưa kiểm tra và xác định được là UBND thị trấn T có nhận đơn này. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại Văn bản số 8893/UBND-NCTCD ngày 26/9/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch UBND tỉnh Long An trình bày:*

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L về việc hủy bỏ Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh. Lý do: đã hết thời hiệu khởi kiện hành chính.

Về nội dung, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 07/11/2008, bác đơn khiếu nại của ông Mai Văn L là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 162/2022/HC-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 166, Điều 101 và Điều 105 Luật Đất đai năm 2013:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L do ông Mai Thanh T đại diện theo ủy quyền về việc khởi kiện quyết định hành chính của UBND huyện T. Hành vi của UBND huyện T và UBND thị trấn T không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn ngày 30/9/2021 của ông Mai Văn L (do ông Mai Thanh T đại diện theo ủy quyền) đối với 01 phần thửa 437, tờ bản đồ số 2, tọa lạc khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là trái pháp luật.

2. Buộc UBND thị trấn T và UBND huyện T có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Văn L đối với 01 phần thửa 473, diện tích 2.816m^2, tờ bản đồ số 02, tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An đúng mục đích sử dụng của ông Mai Văn L theo quy định của Luật Đất đai. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 91-2022 ngày 27/9/2022, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/10/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L vì cho rằng việc ông Mai Văn L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 01 phần thửa 437, tờ bản đồ số 2, tọa lạc khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện, cũng là người kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện người bị kiện trình bày, Ủy ban nhân dân huyện T không có văn bản pháp lý chứng minh ông Đ1 đã giao 5.000m^2 đất cho Nhà nước; Ủy ban quản lý đất từ khi ông Đ1 giao, thông qua Sổ mục kê và Sổ địa chính, nhưng không C2ng cấp được tài liệu chứng minh. Nhà nước không chấp nhận việc đòi lại đất đã bị thu hồi theo chính sách đất đai của Nhà nước. Bản chất không phải là gia đình ông

L sử dụng đất từ năm 1989, mà là do tái chiếm, sau khi quy hoạch sân bóng bị dỡ bỏ.

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Mai Thanh T giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Đồng thời trình bày thêm, gia đình ông canh tác ổn định, hiện nay Nhà nước đã dỡ bỏ quy hoạch công trình công cộng, các hộ khác cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông chỉ xin lại một phần của thửa đất, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để yên tâm sử dụng.

- Các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Hai quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện T (Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 11/7/2008) và của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 07/11/2008), về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn L, đang còn hiệu lực thi hành. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của hai quyết định nêu trên, là vi phạm quy định của Luật tố tụng hành chính (điểm b khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông L vẫn sử dụng đất từ đó đến nay, và ông Đ, ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, mà chưa xem xét đến hiệu lực của hai quyết định nêu trên, là không đúng; đồng thời tuyên buộc Ủy ban thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, là vượt quá thẩm quyền.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án. Một số người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ các Điều 157, 158 và 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.2]. Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Long An hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm. UBND huyện T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L, đối với hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện T, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện, thấy rằng:

Ngày 08/12/1988, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 1598/QĐ-UB (BL 27) về việc quy hoạch cấp cho các cán bộ chiến sĩ Đoàn Xây dựng Kinh tế Đồng Tháp 3 gồm: ông C2, ông T2 và ông Đ, trong đó có phần diện tích đất khoảng 5.000m^2 của ông Mai Văn Đ1 và bà Trần Thị T3 (cha mẹ của ông Mai Văn L). Năm 1989, do chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng sân bóng huyện T nên có 02 hộ nhận hoán đổi đất khác (ông T2 và ông C2), riêng hộ ông Đ, vẫn sử dụng cho đến nay.

Năm 2003, gia đình ông L có khiếu nại. Ngày 11/7/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1781/QĐ-UBND (BL 40) về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn L và các ông B, Tâm, Sang, Trọng (em ông L) với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Ngày 07/11/2008, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 2805/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn L (được 04 người em là Mai Thanh S, Mai Hoàng T4, Mai Thanh T, Mai Văn B ủy quyền), cũng với nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Ngày 21/9/2010, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2589/QĐ-UBND, quy hoạch toàn bộ diện tích có phần đất nêu trên làm sân bóng và khu sinh hoạt văn hóa của huyện T. Ngày 09/5/2012, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1320/QĐ-UBND, hủy bỏ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 21/9/2010, với lý do đã thay đổi vị trí xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên và kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp huyện T.

Ông Mai Văn L ủy quyền cho ông Mai Thanh T (em trai ông L) nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/9/2021 và gửi đến UBND huyện T (nhận ngày 01/10/2021) theo phiếu chuyển số 130/PC-VP ngày 07/10/2021 của Văn phòng HĐND-UBND huyện T). Diện tích đất liên quan là một phần thửa đất số 473 tờ bản đồ số 2, tại Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, khoảng 3.000m^2. Hết thời hạn giải quyết theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP về thời hạn giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, nhưng UBND huyện T không xem xét và giải quyết.

Hồ sơ vụ án thể hiện có nhiều lời khai của các người làm chứng, trong đó có ông Đ và ông T2, và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Hải và ông Còn trình bày ông Mai Văn L sử dụng đất từ năm 1989, không tranh chấp với ai. Đồng thời, từ sau năm 2012, khi nhà nước dỡ bỏ quy hoạch sân bóng, thì gia đình ông Mai Văn L trực tiếp sử dụng đất. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và tại Mảnh trích đo địa chính ngày 27/9/2022, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt, thể hiện trên 01 phần thửa 473 do ông L quản lý, sử dụng, có diện tích 131m^2, ông L

làm đường bê tông vào đất, 40m^2 là phần nhà ông L xây cất (nhà tạm vách tole, nền đất; 01 căn nhà chòi vách cây; 60 cây ăn trái gồm xoài, dừa, quýt, tràm bông vàng; trên đất còn có 01 phần đã san lấp mặt bằng chiều ngang khoảng 40m. Ông Mai Thanh T đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn L xác định nhà lá cất năm 1989 và đến năm 2019, nhà lá bị sập, nên cất tạm lại như hiện nay.

Quá trình tham gia tố tụng sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày Ủy ban nhân dân huyện T không có văn bản pháp lý chứng minh ông Đ1 đã giao 5.000m^2 đất cho Nhà nước; Ủy ban quản lý đất từ khi ông Đ1 giao, thông qua Sổ mục kê và Sổ địa chính, nhưng không C2ng cấp được tài liệu chứng minh; từ năm 2012 cho đến nay, Nhà nước chưa có kế hoạch sử dụng phần đất, cũng chưa có quyết định nào giao đất cho Ủy ban nhân dân thị trấn T quản lý, mà khu đất do gia đình ông L trực tiếp sử dụng.

Toàn bộ khu đất quy hoạch sân bóng và khu vui chơi giải trí huyện T đã không còn kế hoạch, quy hoạch sử dụng cho trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và công trình công cộng khác, các hộ ông T2 và ông Đ đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2015, và khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ông L cũng phải được xem xét để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ông Mai Văn L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L sử dụng từ sau năm 2012 (thời điểm hủy bỏ quy hoạch xây dựng công trình) và chỉ yêu cầu cấp giấy đối với 01 phần thửa 473 diện tích 2.816m^2, chứ không yêu cầu cấp toàn bộ thửa 473 (không bao gồm phần đất ông Đ và ông T2 đã được cấp giấy), nên không phải trường hợp đòi lại đất như UBND huyện T xác định, và việc cấp giấy lần đầu thuộc thẩm quyền của UBND huyện T, nên hồ sơ cấp giấy của ông L phải được UBND huyện T xem xét giải quyết. Nhưng UBND huyện T căn cứ vào hai quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện T (Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 11/7/2008) và của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 07/11/2008), không xem xét giải quyết, là áp dụng không đúng pháp luật, không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình ông L. Đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ hủy bản án hành chính sơ thẩm, để xem xét tính hợp pháp của hai quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, xác định hành vi của UBND huyện T và UBND thị trấn T không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn ngày 30/9/2021 của ông Mai Văn L (do ông Mai Thanh T đại diện theo ủy quyền) là không đúng quy định pháp luật, là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của UBND huyện T, tỉnh Long An, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Ý kiến của người khởi kiện: Có căn cứ chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa: Không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của UBND huyện T không được chấp nhận, nên UBND huyện T phải nộp án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 162/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về "Khiếu kiện hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa người khởi kiện là ông Mai Văn L với người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 166, Điều 101 và Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 22 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L do ông Mai Thanh T đại diện theo ủy quyền về việc khởi kiện quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện T. Hành vi của Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân thị trấn T không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn ngày 30/9/2021 của ông Mai Văn L (do ông Mai Thanh T đại diện theo ủy quyền) đối với 01 phần thửa 437, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, là trái pháp luật.

2.2. Buộc Ủy ban nhân dân thị trấn T và Ủy ban nhân dân huyện T có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Văn L đối với 01 phần thửa 473, diện tích 2.816m^2, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An đúng mục đích sử dụng của ông Mai Văn L theo quy định của Luật Đất đai. (Theo Mảnh trích đo địa chính số 91-2022 ngày 27/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001451 ngày 19/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. (Ủy ban nhân dân huyện T đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
–Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Long An (2);
– VKSND tỉnh Long An;
– Cục THADS tỉnh Long An;
– Đương sự (4);
– Lưu: HS (2), VP (5); 17b (ÁN NVC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hòa